

2. Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố T, tỉnh Phú Yên
Người đại diện theo ủy quyền của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố T: Bà Nguyễn Thị Ngọc C, vắng mặt.
3. Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Phú Yên;
Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã T: Ông Nguyễn Đức T – Công chức địa chính, vắng mặt.
4. Văn phòng công chứng N (Trước kia là Văn phòng công chứng Phú Yên); Địa chỉ: thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.
5. Ông Phan Đăng L – sinh năm 1979; Địa chỉ: tỉnh Phú Yên, có mặt.
6. Bà Ngô Nguyễn Quí M – sinh năm 1983; Địa chỉ: thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.
Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Nguyễn Quí M: Ông Phan Đăng L – sinh năm 1979; Địa chỉ: tỉnh Phú Yên, có mặt.
7. Vợ chồng anh Nguyễn Trọng T – sinh năm 1985, chị Nguyễn Thị N - sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.
Người đại diện theo ủy quyền của anh T, chị N: Luật sư Nguyễn Hương Q; Địa chỉ: thành phố T, tỉnh Phú Yên, có mặt.
8. Bà Lê Thị Q – sinh năm 1959; Địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố T, tỉnh Phú Yên, có mặt.
9. Bà Nguyễn Thị N – sinh năm 1953; Địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.
10. Bà Nguyễn Thị G – sinh năm 1959; Địa chỉ: tỉnh Phú Yên, vắng mặt.
Người đại diện theo ủy quyền của bà G: Ông Phạm T – sinh năm 1959, vắng mặt.
11. Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1954; Địa chỉ: tỉnh Phú Yên, vắng mặt.
12. Ông Nguyễn N – sinh năm 1954; Địa chỉ: tỉnh Phú Yên, vắng mặt.
13. Chị Nguyễn Thị Nam T – sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.
14. Chị Nguyễn Thị N - sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.
Người đại diện theo ủy quyền của bà N, bà T, chị T, chị N: Bà Lê Thị Q – sinh năm 1959; Địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố T, tỉnh Phú Yên, có mặt.
- Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trọng T và chị Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người khởi kiện vợ chồng anh C, chị P trình bày:*

Thửa đất số 1022 tờ bản đồ số 8 có diện tích 200m² thuộc thôn T, xã T, thành phố T, tỉnh Phú Yên đã được UBND thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn K, bà Đỗ Thị B (ông, bà nội của anh Nguyễn

Văn C) từ năm 2008. Sinh thời ông K, bà B có di ngôn để lại diện tích nêu trên cho hai cháu là Nguyễn Văn C và Nguyễn Trọng T để ở. Thực hiện di ngôn (bà Đỗ Thị B chết ngày 16/6/2007, ông Nguyễn K chết ngày 04/8/2009). Năm 2011, anh Nguyễn Trọng T xây nhà ở trên 100m² đất nêu trên. Năm 2017, anh Nguyễn Văn C xây dựng trên phần diện tích đất còn lại để ở từ đó đến nay không có tranh chấp.

Tháng 11/2019, vợ chồng anh C được biết toàn bộ diện tích 200m² đất nêu trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh Nguyễn Trọng T thì bà Nguyễn Thị Q (mẹ của anh Nguyễn Văn C) kiểm tra phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông K, bà B do bị mất nên bà Q có gửi đơn đến các cơ quan có thẩm quyền để khiếu nại và đề nghị ngăn chặn việc chuyển nhượng đối với thửa đất nêu trên. Đồng thời, đề nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T cung cấp thông tin về hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ số CN 996524 ngày 04/3/2019 đã cấp cho vợ chồng anh Nguyễn Trọng T để khiếu nại.

Theo công văn số 1467/CNVPĐKĐĐ ngày 19/11/2019 của Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ thành phố T đã cung cấp thông tin về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 996524 ngày 04/3/2019 cho vợ chồng anh Nguyễn Trọng T và chị Nguyễn Thị N, thể hiện:

Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất do anh Nguyễn Trọng T lập ngày 09/01/2019 với lý do biến động là “nhận tặng cho” nhưng không vào sổ tiếp nhận; không có xác nhận của chính quyền địa phương và các đơn vị có thẩm quyền.

Giấy cho nhà đất ở được lập ngày 10/8/2009, bên tặng cho chỉ lẫn tay, không được Công chứng hoặc chứng thực theo quy định của Luật đất đai nhưng vẫn được Chi nhánh Văn phòng hoàn tất hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013; văn bản cam kết tặng cho hoặc hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đều bắt buộc phải được công chứng hoặc chứng thực. Trong khi đó ông K, bà B chết vào ngày 16/6/2007 và ngày 04/8/2009 nhưng giấy tặng cho nhà đất được lập ngày 10/8/2009.

Do đó, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 996524 ngày 04/3/2019 cho vợ chồng anh Nguyễn Trọng T, chị Nguyễn Thị N là trái pháp luật cả về nội dung và thủ tục.

Tại thông báo số 168/CNVPĐKĐĐ ngày 14/01/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T thừa nhận Giấy viết tay cho nhà đất ở giữa vợ chồng ông K, bà B với vợ chồng anh T, chị N chưa được cấp có thẩm quyền xác nhận.

Biên bản niêm yết công khai thông báo cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh T, chị N lập ngày 14/01/2019 không ghi rõ là niêm yết thông báo số mấy, ngày nào.

Ngày 09/12/2019, vợ chồng anh C có đơn khiếu nại gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 996524 ngày 04/3/2019. Ngày 04/01/2020 Văn phòng đăng ký đất đai ban hành công văn số 01/VPĐKĐĐ. Theo đó công văn căn cứ điểm b khoản 4 Điều 9 Thông tư 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và khoản 2 Điều 82 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ để cho rằng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh T là đúng quy định của pháp luật.

Do đó người khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Văn bản số 01/VPĐKĐĐ ngày 02/01/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên “V/v trả lời đơn đề ngày 09/12/2019 của anh Nguyễn Văn C”.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 996524 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho vợ chồng anh Nguyễn Trọng T, chị Nguyễn Thị N ngày 04/3/2019.

Ngoài 02 yêu cầu nêu trên thì vợ chồng anh C, chị P không còn yêu cầu gì khác.

- *Người bị kiện Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên trình bày:*

Ngày 09/01/2019, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T (sau đây gọi tắt là Chi nhánh T) tiếp nhận hồ sơ đăng ký biến động nhận tặng cho quyền sử dụng đất của anh Nguyễn Trọng T và chị Nguyễn Thị N từ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố T chuyển đến, thành phần hồ sơ gồm có: Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất; bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 595035; giấy cho nhà đất ở ngày 10/8/2009 (viết tay); tờ khai lệ phí trước bạ, tờ khai thuế thu nhập cá nhân.

Qua kiểm tra, thành phần hồ sơ đầy đủ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTN ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Do đó, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T có Thông báo số 168/CNVPĐKĐĐ ngày 14/01/2019 “Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho anh Nguyễn Trọng T và chị Nguyễn Thị N, địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã T, thành phố T, tỉnh Phú Yên” và gửi thông báo này cho UBND xã T để thực hiện việc niêm yết công khai.

Sau khi đã thực hiện xong thủ tục niêm yết công khai, ngày 14/02/2019 UBND xã T lập biên bản kết thúc niêm yết thông báo, tại biên bản kết thúc niêm yết có ghi “*Trong thời gian niêm yết công khai tại UBND xã T đến nay đã hết thời hạn niêm yết công khai không có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp, khiếu nại*”.

Đến ngày 18/02/2019, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T đã lập phiếu chuyển thông tin địa chính số 445/PCTTĐC chuyển đến Chi cục Thuế thành phố T để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai cho anh Nguyễn Trọng T và chị Nguyễn Thị N. Ngày 21/02/2019, Chi cục Thuế thành phố T ban hành thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số 113/2019/TB-CCT cho anh Nguyễn Trọng T và chị Nguyễn Thị N.

Sau khi anh Nguyễn Trọng T và chị Nguyễn Thị N thực hiện xong nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước theo giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số CT 001990, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T hoàn tất hồ sơ theo quy định.

Ngày 04/3/2019, thừa ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 996524, vào sổ cấp GCN số CS 01498 cho anh Nguyễn Trọng T và chị Nguyễn Thị N tại thửa đất số 1022, tờ bản đồ số 8, diện tích 200m², mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã T, thành phố T.

Như vậy, việc ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 996524, vào sổ cấp GCN số CS 01498 cho anh Nguyễn Trọng T và chị Nguyễn Thị N ngày 04/3/2019 tại thửa đất số 1022, tờ bản đồ số 8 là theo trình tự, thủ tục quy định tại điểm b khoản 4 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTN ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và khoản 2 Điều 82 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Với kết quả giải quyết hồ sơ của vợ chồng anh T, chị N như đã nêu trên, Văn phòng đăng ký đất đai có ý kiến như sau: Việc anh C cho rằng thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 996524 cho anh T, chị N không đúng theo quy định pháp luật là không có cơ sở.

- *Người bị kiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên trình bày:* Việc Văn phòng đăng ký đất đai (theo ủy quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường) ký Giấy chứng nhận số CN 996524, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CS 01498 cho anh Nguyễn Trọng T và chị Nguyễn Thị N ngày 04/2/2019 tại thửa đất số 1022, tờ bản đồ số 8 là theo trình tự, thủ tục quy định tại điểm b khoản 4 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTN ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và khoản 2 Điều 82 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị G – sinh

năm 1959 (do chồng là ông Phạm T – sinh năm 1964 làm đại diện), bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1954, bà Nguyễn Thị N – sinh năm 1953, ông Nguyễn N – sinh năm 1954, bà Lê Thị Q – sinh năm 1959, Chị Nguyễn Thị Nam T – sinh năm 1986, Chị Nguyễn Thị N - sinh năm 1993 thống nhất trình bày: Nguyên diện tích đất 200m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 996524 do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho vợ chồng anh Nguyễn Trọng T, chị Nguyễn Thị N ngày 04/3/2019 có nguồn gốc là của vợ chồng ông Nguyễn K, bà Đỗ Thị B để lại theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 595035 ngày 25/02/2008 do UBND thành phố T cấp Giấy cho vợ chồng ông Nguyễn K, bà Đỗ Thị B. Vợ chồng ông Nguyễn K, bà Đỗ Thị B có tổng cộng 05 người con; cụ thể: Ông K có 02 người con riêng là Nguyễn Thị N – sinh năm 1953 (địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố T) và bà Nguyễn Thị G – sinh năm 1959 (địa chỉ: Thôn Phú Hạnh, xã An Ninh Đông); bà B có 02 người con riêng bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1954 (địa chỉ: Thôn Phú Hạnh, xã An Ninh Đông, huyện Tuy An), ông Nguyễn N – sinh năm 1954 (địa chỉ: Thôn Mỹ Quang Nam, xã An Chấn, huyện Tuy An), ông Nguyễn K và bà Đỗ Thị B có 01 người con chung là ông Nguyễn Văn Minh – sinh năm 1954. Khi ông K, bà B chết không để lại di chúc đối với tài sản là quyền sử dụng đất nêu trên và từ đó đến nay những hàng thừa kế của ông K, bà B chưa yêu cầu chia di sản thừa kế. Nhưng vợ chồng anh Nguyễn Trọng T – sinh năm 1985, chị Nguyễn Thị N - sinh năm 1986 tự ý làm giả hồ sơ để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho riêng mình khi không có ý kiến của chúng tôi là không đúng quy định. Do đó, chúng tôi đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện vợ chồng anh Nguyễn Văn C – sinh năm 1983, chị Lê Thị Thanh P – sinh năm 1984, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 996524 do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho vợ chồng anh Nguyễn Trọng T, chị Nguyễn Thị N ngày 04/3/2019 vì Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T, chị N không đúng quy định. Với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chúng tôi không có yêu cầu độc lập.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng anh T, chị N và người đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày: Việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 996524 cho vợ chồng anh Nguyễn Trọng T, chị Nguyễn Thị N ngày 04/3/2019 là đúng quy định của pháp luật. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vợ chồng anh T, chị N đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất này cho vợ chồng ông Phan Đăng L, bà Ngô Thị Quý M với giá 3,2 tỷ đồng. Việc chuyển nhượng có hợp đồng công chứng đầy đủ theo quy định. Do đó việc vợ chồng anh C, chị P yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 996524 là không có cơ sở.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Phan Đăng L, bà Ngô Nguyễn Quí M trình bày:* Qua thông tin giới thiệu của người dân, vợ chồng tôi được biết anh Nguyễn Trọng T và chị Nguyễn Thị N có nhu cầu cần bán thửa đất số 1022, tờ bản đồ số 8 tại thôn T, xã T, thành phố T, tỉnh Phú Yên với giá 3,2 tỷ đồng. Vì nhu cầu sử dụng nên vợ chồng tôi đã đồng ý mua với giá 3,2 tỷ đồng. Vào ngày 08/01/2020 vợ chồng tôi cùng vợ chồng anh T tiến hành ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của thửa đất nêu trên tại Văn phòng công chứng Phú Yên, đồng thời giao đủ tiền cho vợ chồng anh T. Ngày 24/3/2020 vợ chồng tôi tiến hành thủ tục xin đăng ký biến động (thay đổi chủ quyền sử dụng đất), Chi nhánh Văn phòng đăng ký không tiến hành các thủ tục vì có đơn ngăn chặn của bà Q. Với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng tôi không có yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Đại diện theo ủy quyền của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T:* Thống nhất theo Văn bản số 01/VPĐKĐK ngày 02/01/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên “V/v trả lời đơn đề ngày 09/12/2019 của ông Nguyễn Văn C”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã T trình bày:* Thống nhất theo quan điểm giải quyết của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2020/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng Điều 30, 32, 116, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348 và 358 Luật tổ tụng hành chính 2015; khoản 1 Điều 467 Bộ luật dân sự 2005; Bộ luật dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 129 Luật đất đai 2003; khoản 1 Điều 64 và điểm b khoản 2 Điều 82 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 5 Điều 14 Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng anh Nguyễn Văn C, chị Lê Thị Thanh P đối với yêu cầu:

- Hủy Văn bản số 01/VPĐKĐK ngày 02/01/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên “V/v trả lời đơn đề ngày 09/12/2019 của anh Nguyễn Văn C”.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 996524 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho vợ chồng anh Nguyễn Trọng T, chị Nguyễn Thị N ngày 04/3/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 28/9/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng anh Nguyễn Trọng T, chị Nguyễn Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện anh Nguyễn Văn C, chị Lê Thị Thanh P (anh C do chị P đại diện theo ủy quyền) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trọng T, chị Nguyễn Thị N do ông Nguyễn Hương Quê đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông Nguyễn Hương Quê yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C và chị Lê Thị Thanh P.

Đại diện người bị kiện Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên cũng như người khởi kiện chị Lê Thị Thanh P cho rằng nội dung kháng cáo của anh T, chị N là không có cơ sở nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của anh T, chị N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trọng T, chị Nguyễn Thị N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét nguồn gốc diện tích 200m² đất tại thửa đất số 1022, tờ bản đồ số 8 là của vợ chồng ông Nguyễn K và bà Đỗ Thị B đã được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL595035 ngày 25/02/2008. Ông K, bà B có 5 người con. Trong đó, ông K có 2 người con riêng là bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị G; bà B có 2 người con riêng là bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn N. Ông K và bà B có 1 người con chung là ông Nguyễn Văn Minh. Bà Đỗ Thị B chết ngày 16/6/2007. Đối với ông Nguyễn K thì tại hồ sơ thể hiện: Theo trích lục khai tử số 58 ngày 28/10/2019 thì ông Nguyễn K chết ngày 04/8/2009. Theo giấy khai tử số 20 ngày 16/11/2009 thì ông Nguyễn K chết ngày 25/10/2009. Tại Văn bản số 265/UBND ngày 15/9/2020 của UBND xã An Ninh Đông xác định ông Nguyễn K chết ngày 04/8/2009. Tại hồ sơ thể hiện 02 giấy cho nhà đất ở lập ngày 30/5/2007 và ngày 10/8/2009. Bên tặng cho đất là ông Nguyễn K, bà Đỗ Thị B và bên nhận tặng cho là anh Nguyễn Trọng T, chị Nguyễn Thị N, không có chứng thực của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tại đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất của anh T, chị N ngày 09/01/2019 có ghi: Lý do biến động nhận tặng cho. Tại Thông báo số 168/CNVPĐKĐĐ ngày 14/01/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T thì hồ sơ của anh T, chị N nộp trong đó có Giấy cho nhà đất ở ngày 10/8/2009 của ông K, bà B với anh T, chị N.

Như vậy, giấy cho nhà đất ở được lập sau khi ông K, bà B đã chết là không có giá trị. Hơn nữa, anh T, chị N được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 996524 ngày 04/3/2019 với diện tích đất 200m², trên phần đất này có nhà của vợ chồng anh C, chị P và ngôi nhà chứa mả của bà Q là không đúng. Do đó, bản án hành chính sơ thẩm của TAND tỉnh Phú Yên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng anh Nguyễn Văn C, chị Lê Thị Thanh P, hủy Văn bản số 01/VPĐKĐĐ ngày 02/01/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên “V/v trả lời đơn đề ngày 09/12/2019 của ông Nguyễn Văn C” và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 996524 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên cấp cho vợ chồng anh Nguyễn Trọng T, chị Nguyễn Thị N ngày 04/3/2019 là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật. Người bị kiện thống nhất với bản án sơ thẩm không kháng cáo. Vì vậy, nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trọng T, chị Nguyễn Thị N không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2] Do yêu cầu kháng cáo của anh T, chị N không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính

1. Bác kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trọng T, chị Nguyễn Thị N và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 30, 32, 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 358 Luật tổ tụng hành chính 2015, khoản 1 Điều 467 Bộ luật dân sự 2005, điểm b khoản 1 Điều 129 Luật đất đai 2003, khoản 1 Điều 64, điểm b khoản 2 Điều 82 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, khoản 5 Điều 14 Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng anh Nguyễn Văn C, chị Lê Thị Thanh P đối với yêu cầu:

- Hủy Văn bản số 01/VPĐKĐĐ ngày 02/01/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên “V/v trả lời đơn đề ngày 09/12/2019 của ông Nguyễn Văn C”.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN996524 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên cấp cho vợ chồng anh Nguyễn Trọng T, chị Nguyễn Thị N ngày 04/3/2019.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Trọng T, chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Được trừ 300.000 đồng anh T, chị N đã nộp tại biên lai thu tiền số 0006673 ngày 21/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

3. Các phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm